

Số: **29** /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 2084/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 291/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi của 09 dự án, công trình với diện tích 48,26 ha, gồm: Đất nông nghiệp 36,86 ha; đất phi nông nghiệp 3,43 ha; đất chưa sử

dụng 7,97 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 39.407 triệu đồng (*Chi tiết theo Biểu số 01 kèm theo*).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 09 dự án, công trình với diện tích 27,89 ha, gồm: Đất trồng lúa 8,43 ha, đất rừng phòng hộ 13,76 ha, đất rừng đặc dụng 5,70 ha (*Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT PHÁT SINH NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **29** /NQ-HĐND ngày **20**/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
	Tổng cộng: 09 công trình, dự án		48,26	36,86	3,43	7,97	39.407
I	Thành phố Lai Châu (01)		3,69	3,40		0,29	
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>3,69</i>	<i>3,40</i>		<i>0,29</i>	
1	Khu đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu	Các phường: Đoàn Kết, Tân Phong	3,69	3,40		0,29	
II	Huyện Tam Đường (02)		13,67	10,05	3,42	0,20	32.000
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>13,67</i>	<i>10,05</i>	<i>3,42</i>	<i>0,20</i>	<i>32.000</i>
1	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thị trấn Tam Đường, các xã: Bình Lư, Bản Hòn	8,87	6,55	2,32		22.000
2	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Xã Bản Giang	4,80	3,50	1,10	0,20	10.000
III	Huyện Tân Uyên (01)		0,53	0,53			1.256
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,53</i>	<i>0,53</i>			<i>1.256</i>
1	Cấp NSH cụm bản xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc	0,53	0,53			1.256
IV	Huyện Than Uyên (01)		0,19	0,16	0,01	0,02	
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,19</i>	<i>0,16</i>	<i>0,01</i>	<i>0,02</i>	
1	Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên	Xã Phúc Than	0,19	0,16	0,01	0,02	
V	Huyện Nậm Nhùn (01)		29,74	22,44		7,30	6.000
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>29,74</i>	<i>22,44</i>		<i>7,30</i>	<i>6.000</i>

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	Nâng cấp tuyến đường từ đôn Biên phòng Hua Bum ra khu vực mốc số 52 ,huyện Nậm Nhùn; Đường ra biên giới đoạn từ bản Tá Bạ - khu vực mốc 34, huyện Mường Tè	Các xã: Hua Bum, Nậm Ban, Trung Chải	29,74	22,44		7,30	6.000
VI	Huyện Sìn Hồ (03)		0,44	0,28		0,16	151
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		0,44	0,28		0,16	151
1	Trạm y tế xã Nậm Cha, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cha	0,12	0,12			91
2	Trạm y tế xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,16			0,16	19
3	Trạm y tế xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ	Xã Noong Hẻo	0,16	0,16			41

Biểu số 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG PHÁT SINH NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **29** /NQ-HĐND ngày **20** /7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo loại đất (ha)			
			Tổng cộng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
	Tổng cộng: 09 công trình, dự án		27,89	8,43	13,76	5,70
I	Thành phố Lai Châu (01)		2,80		2,80	
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		2,80		2,80	
1	Khu đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu	Các phường: Đoàn Kết, Tân Phong	2,80		2,80	
II	Huyện Tam Đường (02)		2,25	2,25		
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		2,25	2,25		
1	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thị trấn Tam Đường, các xã: Bình Lư, Bản Hòn	1,55	1,55		
2	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Xã Bản Giang	0,70	0,70		
III	Huyện Tân Uyên (01)		0,48	0,48		
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		0,48	0,48		
1	Cấp NSH cụm bản xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc	0,48	0,48		
IV	Huyện Than Uyên (01)		0,12	0,12		
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		0,12	0,12		
1	Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên	Xã Phúc Than	0,12	0,12		

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo loại đất (ha)			
			Tổng cộng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
V	Huyện Nậm Nhùn (02)		0,24	0,24		
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,24</i>	<i>0,24</i>		
1	Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm huyện Nậm Nhùn; Trạm kiểm lâm xã Tà Tổng, huyện Mường Tè; Trạm kiểm lâm xã Phìn Hồ, huyện Sin Hồ	Thị trấn Nậm Nhùn	0,04	0,04		
2	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Căn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Héo, Nậm Cuối huyện Sin Hồ; các xã Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn; thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, Thị Trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ	Các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn	0,20	0,20		
VI	Huyện Mường Tè (02)		22,00	5,34	10,96	5,70
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>22,00</i>	<i>5,34</i>	<i>10,96</i>	<i>5,70</i>
1	Đường dây 110kv đấu nối nhà máy thủy điện Pắc Ma và Nậm Cùm 4	Xã Vàng San	0,02		0,02	
2	Thủy điện Pắc Ma (bổ sung diện tích)	Các xã: Ka Lăng, Mù Cả, Mường Tè	21,98	5,34	10,94	5,70